

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày: 14-01-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Minh Thọ

Ông Dương Hải Long

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Ngọc Phú – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 208/2021/HSST ngày 04/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 326/2021/TB-HS ngày 25 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, tên gọi khác: H; sinh ngày 15 tháng 3 năm 1996, tại: Hà Nam; nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1971; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 15/01/2021 đến ngày 24/01/2021. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- anh Lê Duy B, sinh năm 1994. Trú tại: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.
Có đơn xin vắng mặt.

- chị Đặng Thị T, sinh năm 1988. Trú tại: hẻm A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- chị Vũ Thị N H, sinh năm 1968. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- anh Hoàng Văn A, sinh năm 1986. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
- chị Bùi Thị Thu V, sinh năm 1994. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
- anh Mai Văn P, sinh năm 1953. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
- chị Vương Lệ Y, sinh năm 1975. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
- chị An Thị Thu N, sinh năm 1971. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
- anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981. Trú tại: A, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2020, Nguyễn Văn H từ Hà Nam vào thành phố Đà Lạt, tổ chức cho vay tiền trả góp cả gốc và lãi theo ngày để kiếm tiền lời, với lãi suất giao động là từ 30% đến 42%/ tháng. Số tiền H cho vay giao động từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Để tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền, H đặt in các tờ rơi ghi nội dung “Hỗ trợ tài chính vay trả góp - LH: 0389198823” và rải ở nơi công cộng để người nào có nhu cầu vay tiền thì gọi điện liên hệ số điện thoại của H, khi có khách gọi điện hỏi vay tiền H hẹn gặp khách để tìm hiểu các thông tin cá nhân như: nghề nghiệp, địa chỉ nhà, công việc, gia đình, giấy tờ tùy thân (CMND, Sổ hộ khẩu,...) mục đích là để xác định mức tiền cho vay đối với người vay. Sau khi thống nhất mức tiền cho vay, hình thức trả, mức trả tiền gốc, tiền lãi, số ngày trả thì H sẽ cho vay và thực hiện việc thu tiền góp hàng ngày của khách vay.

Qua công tác điều tra, tại cơ quan công an H đã khai nhận cho 08 người vay với tổng số tiền cho vay là 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng), số tiền thu lợi bất chính 55.755.388đ (năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi tám đồng), cụ thể như sau:

1. Đặng Thị T, sinh năm 1988, trú tại: hẻm A Lê Hồng Phong, phường B, thành phố Đà Lạt khai nhận từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 đã 04 lần vay tiền của Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 9 năm 2020, chị T liên hệ vay của H số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.250.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 250.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng), lãi suất là 36%/ 01 tháng, khoản vay này chị T đã trả được 16 ngày (tương ứng với 4.000.000 đồng), số tiền còn nợ (2.250.000 đồng) chị T trừ vào khoản vay thứ hai. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.431.507 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tất toán khoản vay thứ nhất, chị T tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 2.000.000 đồng (bị cáo thu 250.000 đồng tiền phí, 500.000 đồng tiền góp 2 ngày và trừ 2.250.000 đồng chị T còn nợ ở khoản vay thứ nhất), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này chị T đã trả được 17 ngày (tương ứng với 4.250.000 đồng), số tiền còn nợ (2.000.000 đồng) chị T trừ vào khoản vay thứ ba. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.431.507 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tất toán khoản vay thứ hai, chị T tiếp tục vay số tiền 8.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, góp trong 24 ngày với số tiền 9.600.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.800.000 đồng (bị cáo thu 400.000 đồng tiền phí, 800.000 đồng tiền góp 2 ngày và trừ 2.000.000 đồng chị T còn nợ ở khoản vay thứ hai), lãi suất 31,25%/1 tháng. Khoản vay này chị T đã trả được 17 ngày (tương ứng với 6.800.000 đồng), số tiền còn nợ (2.800.000 đồng) chị T trừ vào khoản vay thứ tư. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.894.795 đồng**.

- Lần 4: Sau khi tất toán khoản vay thứ 3, chị T tiếp tục vay số tiền 8.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, góp trong 24 ngày với số tiền 9.600.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.000.000 đồng (bị cáo thu 400.000 đồng tiền phí, 800.000 đồng tiền góp 2 ngày và trừ 2.800.000 đồng chị T còn nợ ở khoản vay thứ ba), lãi suất 31,25%/1 tháng. Khoản vay này chị T đã trả được số tiền 8.100.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.645.662 đồng**.

2. Vũ Thị N H, sinh năm 1968, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt khai nhận từ ngày 09/12/2020 đến ngày 06/01/2021 đã 03 lần vay tiền của Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 09/12/2020, chị H liên hệ vay của H số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.000.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay

500.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng), lãi suất là 42%/ 01 tháng, khoản vay này chị H đã trả được 10 ngày (tương ứng với 2.500.000 đồng), số tiền còn nợ (3.750.000 đồng) chị H trừ vào khoản vay thứ hai. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.681.507 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tất toán khoản vay thứ nhất, chị H tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 1.250.000 đồng (bị cáo trừ 3.750.000 đồng chị H còn nợ ở khoản vay thứ nhất), lãi suất 30%/1 tháng. Khoản vay này chị H đã trả được 16 ngày (tương ứng với 4.000.000 đồng), số tiền còn nợ (2.250.000 đồng) chị H trừ vào khoản vay thứ ba. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.181.507 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tất toán khoản vay thứ hai, chị H tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 1.750.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 500.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng và trừ số tiền còn nợ là 2.250.000 đồng ở khoản vay thứ 2), lãi suất 42%/1 tháng. Khoản vay này chị H đã trả được 2.250.000, còn nợ lại số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **925.342 đồng**.

3. Hoàng Văn An, sinh năm 1986, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt khai nhận từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 1 năm 2021 đã 03 lần vay tiền của Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 11 năm 2020, anh A liên hệ vay của H số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.250.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 250.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng), lãi suất là 36%/ 01 tháng, khoản vay này anh A đã trả được 17 ngày (tương ứng với 4.250.000 đồng), số tiền còn nợ (2.000.000 đồng) anh A trừ vào khoản vay thứ hai. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.431.507 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tất toán khoản vay thứ nhất, anh A tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 2.250.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 250.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng và trừ 2.000.000 đồng còn nợ ở khoản vay thứ nhất), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này anh A đã trả được 19 ngày (tương ứng với 4.750.000 đồng), số tiền còn nợ (1.500.000 đồng) anh A trừ vào khoản vay thứ ba. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.431.507 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tất toán khoản vay thứ hai, anh A tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 2.750.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 250.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng và trừ 1.500.000 đồng còn nợ ở khoản vay thứ hai), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này anh A đã tất toán xong số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.431.507 đồng**.

4. Bùi Thị Thu V, sinh năm 1994, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt, khai nhận từ giữa tháng 11 năm 2020 đến ngày 13 tháng 01 năm 2021, đã 04 lần vay tiền của Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 11 năm 2020, chị V liên hệ vay của H số tiền 10.000.000đ, trả góp gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng. Số tiền thực nhận là 8.500.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 500.000 đồng và 02 ngày góp 1.000.000 đồng), lãi suất là 36%/ 01 tháng, khoản vay này chị V đã trả đủ 25 ngày (tương ứng với 12.500.000 đồng). Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **2.863.014 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tất toán khoản vay thứ nhất, chị V tiếp tục vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 18.750.000 đồng. Số tiền thực nhận là 12.750.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 750.000 đồng và 02 ngày góp 1.500.000 đồng), lãi suất 36%/01 tháng. Khoản vay này chị V đã trả được 19 ngày (tương ứng với 14.250.000 đồng), số tiền còn nợ (4.500.000 đồng) chị V trừ vào khoản vay thứ ba. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **4.294.521 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tất toán khoản vay thứ ba, chị V tiếp tục vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 18.750.000 đồng. Số tiền thực nhận là 8.250.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 750.000 đồng, 02 ngày góp 1.500.000 đồng và trừ 4.500.000 đồng còn nợ ở khoản vay thứ hai), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này chị V đã trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 15.750.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.317.123 đồng**.

- Lần 4: Sau khi đang trả lãi và gốc của khoản vay thứ 3 thì chị V tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 6.250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.000.000 đồng (bị cáo thu phí khoản vay 500.000 đồng và 02 ngày góp 500.000 đồng), lãi suất 42%/1 tháng. Khoản vay này chị V đã trả được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 5.250.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **594.521 đồng**.

5. Mai Văn P, sinh năm 1953, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt khai nhận từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 đã 03 lần vay tiền của Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 10 năm 2020, ông P liên hệ vay của H số tiền 8.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 7.200.000 đồng (bị cáo trừ trước 02 ngày góp 800.000 đồng), lãi suất là 30%/01 tháng, khoản vay này ông P đã trả đủ 25 ngày (tương ứng với 10.000.000 đồng). Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.890.411 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tất toán khoản vay thứ nhất, ông P tiếp tục vay số tiền 8.000.000đ, trả góp gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 7.200.000 (bị cáo trừ trước 02 ngày góp 800.000 đồng), lãi suất 30%/1 tháng. Khoản vay này ông P đã trả đủ 25 ngày (tương ứng với 10.000.000 đồng). Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.890.411 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tất toán khoản vay thứ hai, ông P tiếp tục vay số tiền 8.000.000đ, trả góp gốc và lãi 400.000 đồng/ ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 7.200.000 đồng (bị cáo trừ trước 02 ngày góp 800.000 đồng), lãi suất 30%/1 tháng. Khoản vay này ông P đã trả được 6.800.000 đồng, còn nợ lại 3.200.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.285.479 đồng**.

6. Vương Thị Lệ Y, sinh năm 1975, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt khai nhận từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 đã 03 lần vay tiền của Nguyễn Văn H, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 10 năm 2020, chị Y liên hệ vay của H số tiền 15.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 18.750.000 đồng. Số tiền thực nhận là 12.750.000 đồng (bị cáo thu 750.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 1.500.000 đồng), lãi suất là 36%/01 tháng, khoản vay này chị Y trả được 17 ngày (tương ứng với 12.750.000 đồng), còn nợ lại 6.000.000 đồng, chị Y trừ vào lần vay thứ 2. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **4.294.521 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tất toán khoản vay thứ nhất, chị Y tiếp tục vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 18.750.000 đồng. Số tiền thực nhận là 6.750.000 đồng (bị cáo thu 750.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 1.500.000 đồng và trừ 6.000.000 đồng còn nợ của khoản vay thứ 1), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này chị Y

đã trả được 17 ngày (tương ứng với 12.750.000 đồng), còn nợ lại 6.000.000 đồng, chị Y trừ vào lần vay thứ 3. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **4.294.521 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tắt toán khoản vay thứ hai, chị Y tiếp tục vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 750.000đ/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 18.750.000 đồng. Số tiền thực nhận là 6.750.000 đồng (bị cáo thu 750.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 1.500.000 đồng và trừ 6.000.000 đồng còn nợ của khoản vay thứ 2), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này chị Y đã trả được 6.000.000 đồng, còn nợ lại 12.750.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.884.247 đồng**.

7. An Thị Thu Ng, sinh năm 1971, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt, khai nhận khoảng tháng 9 năm 2020 chị Ng liên hệ vay của H số tiền 10.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 500.000 đồng/ ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng. Số tiền thực nhận là 8.100.000 đồng (bị cáo thu 900.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 1.000.000 đồng), lãi suất là 40,8%/ 01 tháng, khoản vay này chị Ng đã trả đủ 12.500.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **3.263.014 đồng**.

8. Ngoài ra, từ ngày 10/12/2020 đến 09/01/2021, Nguyễn Văn H còn góp tiền với Lê Duy B, sinh năm: 1994, HKTT: thôn A, B, C, D, Hà Nam để cho anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1981, HKTT: A, phường B, thành phố Đà Lạt 03 lần vay tiền, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 10/12/2020, anh H liên hệ vay của H số tiền 20.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 17.000.000 đồng (bị cáo thu 1.000.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 2.000.000 đồng), lãi suất là 36%/01 tháng, khoản vay này anh H trả được 12 ngày (tương ứng với 12.000.000 đồng), còn nợ lại 13.000.000 đồng, H trừ vào lần vay thứ 2. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **5.726.027 đồng**.

- Lần 2: Sau khi tắt toán khoản vay thứ nhất, anh H tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.000.000 đồng (bị cáo thu 1.000.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 2.000.000 đồng và trừ 13.000.000 đồng còn nợ của khoản vay thứ 1), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này anh H đã trả được 17 ngày (tương ứng với 17.000.000 đồng), còn nợ lại 8.000.000 đồng, anh H trừ vào lần vay thứ 3. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **5.726.027 đồng**.

- Lần 3: Sau khi tất toán khoản vay thứ hai, anh H tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, góp trong 25 ngày với số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng (bị cáo thu 1.000.000 đồng tiền phí, thu trước 02 ngày góp 2.000.000 đồng và trừ 08.000.000 đồng còn nợ của khoản vay thứ 2), lãi suất 36%/1 tháng. Khoản vay này anh H đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn H thu lợi bất chính là **1.945.205 đồng**.

Số tiền thu được của anh Nguyễn Thanh H bị cáo H và Lê Duy B chia đều cho nhau.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng và chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/10/2021 gồm: Số tiền 1.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, nộp tại kho bạc Nhà nước ngày 30/9/2021 là số tiền thu của ông H, trừ vào số tiền anh H nộp để sung quỹ Nhà nước; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng - Imei: 352088073857533 của Nguyễn Văn H là P tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 83 (tám mươi ba) card có nội dung “HỖ TRỢ TÀI CHÍNH VAY TRẢ GÓP LH: 0389 198823”, không có giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy; 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển số 49E1 – 651.83; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037792, chưa xác minh được chủ sở hữu nên tuyên giao lại cho Công an thành phố Đà Lạt tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định; 01 (một) CCCD số 035096002505 mang tên Nguyễn Văn H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo.

Đối với 05 người vay tiền qua trích xuất điện thoại của Nguyễn Văn H gồm: Nguyễn Thị Thanh T; C “chả cá”; O “Ngô Quyền”; Thúy Lê Thị Hồng G; Đa Bạch Đăng, quá trình điều tra Hùng khai nhận cho 05 người trên vay tổng số tiền 24.000.000 đồng, sau khi cho vay tiền thì Hùng không liên lạc được nên chưa thu được tiền gốc và lãi. Hiện nay Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của những người này nên tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có đối tượng Lê Duy B, là người đã góp 30.000.000 đồng với Nguyễn Văn H để cho Nguyễn Thanh H vay tiền và thu lợi bất chính cùng với H số tiền 13.397.260 đồng, quá trình điều tra xác định Bắc còn cho 04 người khác vay tiền và thu lợi bất chính số tiền 9.385.971 đồng. Do số tiền B thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và không có căn cứ xác định B đồng phạm

với bị can H trong 07 lần cho vay của H nên chưa đủ căn cứ xử lý hình sự, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can đối với B.

Tại Bản cáo trạng số 208/CT-VKSĐL ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm vụ án giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng - Imei: 352088073857533 của Nguyễn Văn H;

Tịch thu tiêu hủy 83 (tám mươi ba) card có nội dung “HỖ TRỢ TÀI CHÍNH VAY TRẢ GÓP LH: 0389 198823”;

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) CCCD số 035096002505 mang tên Nguyễn Văn H;

Tuyên giao cho Công an thành phố Đà Lạt 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển số 49E1 – 651.83; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037792.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1.000.000đ (một triệu đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, nộp tại kho bạc Nhà nước ngày 30/9/2021.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp: 149.836.575đ (một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc anh Lê D B nộp số tiền 30.301.370đ (ba mươi triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm bảy mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tiền để tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Chị Đặng Thị T nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).
- Chị Vũ Thị Ngọc H nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng).
- Chị Bùi Thị Thu V nộp 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).
- Anh Mai Văn P nộp 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

- Chị Vương Thị Lệ Y nộp 12.750.000đ (mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho chị Đặng Thị T 6.403.470đ (sáu triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).

- Trả cho chị Vũ Thị Ngọc H 3.788.356đ (ba triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Trả cho anh Hoàng Văn A 4.294.521đ (bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi một đồng).

- Trả cho chị Bùi Thị Thu V 9.069.178đ (chín triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bảy mươi tám đồng).

- Trả cho anh Mai Văn P 5.066.301đ (năm triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm lẻ một đồng).

- Trả cho chị Vương Thị Lệ Y 10.473.288đ (mười triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám đồng).

- Trả cho chị An Thị Thu N 3.263.014đ (ba triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

- Trả cho anh Nguyễn Thanh H 6.698.630đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

Buộc anh Lê Duy B phải trả lại cho anh Nguyễn Thanh H 6.698.630đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

Tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo biết rõ việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bị cáo đã lợi dụng những người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất cao. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt phù hợp với hành vi và hậu quả bị cáo đã thực hiện.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Khi lượng hình cũng cần xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về biện pháp tư pháp:*

4.1. Đối với khoản tiền dùng để cho vay và lãi suất theo quy định:

Đối với số tiền gốc mà bị cáo H sử dụng cho vay là 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng), người vay đã trả lại là 177.550.000đ (một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) và số tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của những người vay là 2.587.945đ (hai triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng), tổng cộng là 180.137.945đ (một trăm tám mươi triệu một trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng), là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định nên buộc bị cáo và Lê Duy B nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào Công quỹ Nhà nước. Trong số tiền này có số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là của Lê Duy B góp tiền với H cho anh H vay và 301.370đ (ba trăm lẻ một ngàn ba trăm bảy mươi đồng) tiền lãi mà Bắc được chia từ khoản vay này, nên buộc bị cáo H nộp 149.836.575đ (một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và Lê Duy B nộp 30.301.370đ (ba mươi triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

4.2. Về số tiền lãi vượt quá quy định và tiền phí dịch vụ:

Đối với tổng số tiền là 55.755.388đ (năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi tám đồng), bao gồm khoản tiền lãi vượt quá quy định và tiền phí dịch vụ, đây là khoản tiền bị cáo H và Lê Duy B thu lợi bất chính nên buộc bị cáo H và Lê Duy B có trách nhiệm trả lại cho những người vay tiền, cụ thể:

- Trả lại cho chị Đặng Thị T: 1.300.000đồng tiền phí và 5.103.470đồng tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng là 6.403.470đ (sáu triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).

- Trả lại cho chị Vũ Thị Ngọc H 1.000.000 đồng tiền phí và 7.788.356.849đồng tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng là 3.788.356đ (ba triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Trả lại cho ông Hoàng Văn A: 750.000đồng tiền phí và 3.544.521 đồng tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng là 4.294.521đ (bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi một đồng).

- Trả lại cho chị Bùi Thị Thu V: 2.500.000 đồng tiền phí và 6.596.178đồng tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng là 9.069.178đ (chín triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bảy mươi tám đồng).

- Trả lại cho ông Mai Văn P: 5.066.301đ (năm triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm lẻ một đồng) tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất.

- Trả lại cho bà Vương Thị Lệ Y: 2.250.000 đồng tiền phí và 8.223.288đồng tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng là 10.473.288đ (mười triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám đồng).

- Trả lại cho chị An Thị Thu N: 900.000 đồng tiền phí và 2.363.014đồng tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng là 3.263.014đ (ba triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Thanh H 3.000.000 đồng tiền phí và 10.397.260đ tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất, tổng cộng 13.397.260đ (mười ba triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi đồng). Trong số tiền này bị cáo H và anh Lê Duy B cùng chia nhau nên buộc Nguyễn Văn H phải trả lại cho anh H 6.698.630đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng) và ông Lê Duy B phải trả lại cho anh H 6.698.630đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

4.3. Đối với số tiền người vay chưa trả:

Đối với tổng số tiền 62.450.000đồng nợ gốc mà những người vay tiền chưa trả cho bị cáo, đây là khoản tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên

buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- chị Đặng Thị T: 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).
- chị Vũ Thị Ngọc H: 4.000.000đ (bốn triệu đồng).
- chị Bùi Thị Thu V: 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).
- Anh Mai Văn P: 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).
- Chị Vương Thị Lệ Y: 12.750.000đ (mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).
- Anh Nguyễn Thanh H: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), được trừ 1.000.000đ đã thu giữ của ông H nên ông H còn phải nộp 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

4.4. *Về vật chứng:* Vật chứng chuyển sang Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt ngày 01/10/2021:

- Số tiền 1.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, nộp tại kho bạc Nhà nước ngày 30/9/2021 là số tiền thu của ông H, trừ vào số tiền anh H nộp để sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng - Imei: 352088073857533 của Nguyễn Văn H là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 83 (tám mươi ba) card có nội dung “HỖ TRỢ TÀI CHÍNH VAY TRẢ GÓP LH: 0389 198823”, không có giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển số 49E1 – 651.83; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037792, chưa xác minh được chủ sở hữu nên tuyên giao lại cho Công an thành phố Đà Lạt tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

- 01 (một) CCCD số 035096002505 mang tên Nguyễn Văn H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[5] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. *Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn H 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng - Imei: 352088073857533 của Nguyễn Văn H;

Tịch thu tiêu hủy 83 (tám mươi ba) card có nội dung “HỖ TRỢ TÀI CHÍNH VAY TRẢ GÓP LH: 0389 198823”;

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) CCCD số 035096002505 mang tên Nguyễn Văn H;

Tuyên giao cho Công an thành phố Đà Lạt 01 (một) xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, biển số 49E1 – 651.83; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037792.

(Tất cả vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng chuyển sang Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt ngày 01/10/2021)

3.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1.000.000đ (một triệu đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, nộp tại kho bạc Nhà nước ngày 30/9/2021.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp: 149.836.575đ (một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3.4. Buộc anh Lê Duy B nộp số tiền 30.301.370đ (ba mươi triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm bảy mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3.5. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tiền để tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Chị Đặng Thị T nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).
- Chị Vũ Thị Ngọc H nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng).
- Chị Bùi Thị Thu V nộp 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).
- Anh Mai Văn P nộp 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).
- Chị Vương Thị Lệ Y nộp 12.750.000đ (mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3.6. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho chị Đặng Thị T 6.403.470đ (sáu triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).
- Trả cho chị Vũ Thị Ngọc H 3.788.356đ (ba triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Trả cho anh Hoàng Văn A 4.294.521đ (bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi một đồng).

- Trả cho chị Bùi Thị Thu V 9.069.178đ (chín triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bảy mươi tám đồng).

- Trả cho anh Mai Văn P 5.066.301đ (năm triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm lẻ một đồng).

- Trả cho chị Vương Thị Lệ Y 10.473.288đ (mười triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám đồng).

- Trả cho chị An Thị Thu N 3.263.014đ (ba triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

- Trả cho anh Nguyễn Thanh H 6.698.630đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

Buộc anh Lê Duy B phải trả lại cho anh Nguyễn Thanh H 6.698.630đ (sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an thành phố Đà Lạt;
- THA thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu

Hà Văn Hồng